

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số:09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-3-2021.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Tâm.

Ông Nguyễn Tuấn Tú.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vui – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2021/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hải Y, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ N, khu phố M, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Lâm Tân C, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ N, khu phố M, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Lê Thị Hải Y trình bày:

Bà Y và ông C tự nguyện sống chung và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã E, tỉnh Bình Thuận ngày 25 tháng 5 năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyền số 01/2015. Sau khi kết hôn, bà Y và ông C sống tại tổ N, khu phố M, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Quá trình sống chung, bà Y và ông C sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng gây gổ nhau, tình cảm vợ chồng không còn, ông C không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Y và ông C

không còn sống chung. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C.

Về con chung: bà Y trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Y và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính). Bà Y có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho ông C do ông C thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Theo kết quả xác minh tại Công an thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương được biết: ông C có đăng ký thường trú tại tổ N, khu phố M, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (Bút lục số 43). Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của ông C, trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, ông C không gửi văn bản trình bày ý kiến của bị đơn về việc bà Y yêu cầu ly hôn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông C tại nơi cư trú được biết: bà Y và ông C là vợ chồng, quá trình chung sống bà Y và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bà Y và ông C không còn sống chung (Bút lục 22).

Tại phiên tòa: nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc ly hôn; ông C có nơi cư trú tại tổ N, khu phố M, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn là bà Y có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bị đơn vắng mặt, cố tình không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà Y và ông C tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã E, tỉnh Bình Thuận ngày 25 tháng 5 năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 quyển số 01/2015, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông C là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Y yêu cầu ly hôn với ông C với lý do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng gây gổ nhau, tình cảm vợ chồng không còn, ông C không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Y và ông C không còn sống chung.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú được biết: bà Y và ông C là vợ chồng, quá trình chung sống bà Y và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bà Y và ông C không còn sống chung (Bút lục 22).

Xét thấy, bà Y và ông C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, mục đích sống chung không có ý nghĩa, bà Y và ông C không còn sống chung bà Y và ông C không có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Y đối với ông C là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: bà Y trình bày không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về tố tụng và nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hải Y đối với bị đơn ông Nguyễn Lâm Tân C về việc ly hôn.

Về hôn nhân: bà Lê Thị Hải Y được ly hôn với ông Nguyễn Lâm Tân C.

Về con chung: bà Lê Thị Hải Y trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Hải Y và ông Nguyễn Lâm Tân C không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình: bà Lê Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số AA/2016/0039119 ngày 01 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã xã A, thị xã E, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Minh Thảo**